PHÒNG GDĐT UÔNG BÍ

**TRƯỜNG TH&THCS NAM KHÊ**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I**

**MÔN TIN HỌC 6 NĂM HỌC 2022-2023**

**I. Trắc nghiệm.**

**Câu 1**. Phương án nào sau đây là thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Các con số thu thập được qua cuộc điều tra dân số. | B. Kiến thức về phân bố dân cư. | C. Phiếu điều tra dân số. | D. Tệp lưu trữ tài liệu về điều tra dân số. |

**Câu 2**. Phát biểu nào sau đây là đúng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Dữ liệu chỉ có thể được hiểu bởi những người có trình độ cao. | B. Dữ liệu là những giá trị số do con người nghĩ ra. | C. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng con số, văn bản, hình ảnh, âm thanh. | D. Dữ liệu chỉ có ở trong máy tính. |

**Câu 3**. Phát biểu nào sau đây đúng?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thông tin là kết quả của việc xử lí dữ liệu để nó trở nên có ý nghĩa. | B. Mọi thông tin muốn có được, con người sẽ phải tốn rất nhiều tiền. | C. Không có sự phân biệt giữa thông tin và dữ liệu. | D. Dữ liệu chỉ có trong máy tính, không tồn tại bên ngoài máy tính. |

**Câu 4**. Công cụ nào sau đây không phải là vật mang tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Giấy | B. Cuộn phim. | C. Thẻ nhớ. | D. Xô, chậu. |

**Câu 5**. Phát biểu nào sau đây đúng về lợi ích của thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Có độ tin cậy cao, đem lại hiểu biết cho con người. | B. Đem lại hiểu biết cho con người,không phụ thuộc vào dữ liệu. | C. Có độ tin cậy cao, không phụ thuộc vào dữ liệu. | D. Đem lại hiểu biết và giúp con người có những lựa chọn tốt. |

**Câu 6**. Phát biểu nào sau đây là **sai?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thông tin đem lại cho con người sự hiểu biết. | B. Thông tin là những gì có giá trị, dữ liệu là những thứ vô giá trị. | C. Thông tin có thể làm thay đổi hành động của con người. | D. Sự tiếp nhận thông tin phụ thuộc vào sự hiểu biết của mỗi người. |

**Câu 7**. Vật mang tin là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thông tin. | B. Dữ liệu. | C. Máy tính. | D. Phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin. |

**Câu 8**. Quá trình xử lí thông tin gồm mấy hoạt động cơ bản?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |

**Câu 9**. Các hoạt động xử lí thông tin gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đầu vào, đầu ra. | B. Thu nhận, xử lí, lưu trữ, truyền. | C. Nhìn, nghe, suy đoán, kết luận. | D. Mở bài, thân bài, kết luận. |

**Câu 10**. Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thu nhận. | B. Lưu trữ. | C. Xử lí. | D. Truyền. |

**Câu 11**. Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thu nhận. | B. Lưu trữ. | C. Xử lí. | D. Truyền. |

**Câu 12**. Các thao tác lập luận, giải thích, phân tích, phán đoán, tưởng tượng, ... của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lí thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thu nhận. | B. Lưu trữ. | C. Xử lí. | D. Truyền. |

**Câu 13**. Bàn phím, chuột, máy quét, webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thiết bị ra. | B. Thiết bị lưu trữ. | C. Thiết bị vào. | D. Bộ nhớ. |

**Câu 14**. Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Màn hình. | B. Chuột. | C. Bàn Phím. | D. CPU. |

**Câu 15**. Thiết bị nào sau đây **không phải** là thiết bị ra của máy tính?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Micro. | B. Máy in. | C. Màn hình. | D. Loa. |

**Câu 16**. Nghe bản tin dự báo thời tiết "*Ngày mai trời có thể mưa*", em sẽ xử lí thông tin và quyết định như thế nào ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Mặc đồng phục. | B. Đi học mang theo áo mưa. | C. Ăn sáng trước khi đến trường. | D. Hẹn bạn Trang cùng đi học. |

**Câu 17**. Dãy bit là gì ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1. | B. Là đơn vị đo thông tin nhỏ nhất. | C. Là âm thanh phát ra từ máy tính. | D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9. |

**Câu 18**. Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. thông tin. | B. dãy bit. | C. số thập phân. | D. các kí tự. |

**Câu 19**. Dữ liệu trong máy tính được mã hóa thành dãy bit vì:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. dãy bit đáng tin cậy hơn. | B. dãy bit được xử lí dễ dàng hơn. | C. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn. | D. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1. |

**Câu 20**. Một thẻ nhớ 4 GB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh 512 KB ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2 nghìn ảnh | B. 4 nghìn ảnh | C. 8 nghìn ảnh | D. 8 triệu ảnh |

**Câu 21**. Bao nhiêu bit tạo thành một byte?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8 | B. 9 | C. 32 | D. 36 |

**Câu 22**. Bao nhiêu byte tạo thành một kilobyte?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8 | B. 64 | C. 1024 | D. 2048 |

**Câu 23**. Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ được gọi là gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Dung lượng nhớ. | B. Khối lượng nhớ. | C. Thể tích nhớ. | D. Năng lực nhớ. |

**Câu 24**. Một mạng máy tính gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Tối thiểu 5 máy tính được liên kết với nhau. | B. Một số máy tính bàn. | C. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau. | D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà. |

**Câu 25**. Mạng máy tính không cho phép người dùng chia sẻ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Máy in. | B. Bàn phím và chuột. | C. Máy quét. | D. Dữ liệu. |

**Câu 26**. Đặc điểm nào sau đây không thuộc về máy tính?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Thực hiện nhanh và chính xác. | B. Suy nghĩ sáng tạo. | C. Lưu trữ lớn. | D. Hoạt động bền bỉ. |

**Câu 27**. Một bit được biểu diễn bằng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Một chữ cái. | B. Một kí hiệu đặc biệt. | C. Kí hiệu 0 hoặc 1. | D. Chữ số bất kì. |

**Câu 28**. Đơn vị đo dữ liệu nào sau đây là lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Gigabyte. | B. Megabyte. | C. Kilobyte. | D. Bit. |

**Câu 29**. Một gigabyte xấp xỉ bằng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 triệu byte. | B. 1 tỉ byte. | C. 1 nghìn tỉ byte. | D. 1 nghìn byte. |

**Câu 30**. Một ổ cứng di động 2 TB có dung lượng nhớ tương đương bao nhiêu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2048 KB. | B. 1024 MB. | C. 2048 MB. | D. 2048 GB. |

**Câu 31**. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Trong một mạng máy tính, các tài nguyên như máy in có thể được chia sẻ.

B. Virut có thể lây lan sang các máy tính khác trong mạng máy tính.

C. Người sử dụng có thể giao tiếp với nhau trên mạng máy tính.

D. Người sử dụng không thể chia sẻ dữ liệu trên máy tính của mình cho người khác trong cùng một mạng máy tính.

**Câu 32**. Trong các nhận định sau đây, nhận định nào không phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.

B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với những dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.

C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.

D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

**Câu 33**. Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị đầu cuối ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Máy tính. | B. Máy in. | C. Bộ định tuyến. | D. Máy quét. |

**Câu 34**. Phát biểu nào sau đây không chính xác?

A. Mang không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.

B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.

C. Mạng không dây thường được sử dụng cho thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại,…

D. Mạng không dây nhanh hơn và ổn định hơn mạng có dây.

**Câu 35**. Mạng máy tính gồm các thành phần:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Máy tính và thiết bị kết nối. | B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối. | C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng. | D. Máy tính và phần mềm mạng. |

**Câu 36**. Máy tính gồm có mấy thành phần thực hiện các hoạt động xử lý thông tin?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2 | B. 3 | C. 4 | D. 5 |

**Câu 37**. Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Dãy bit. | B. Văn bản. | C. Hình ảnh. | D. Âm thanh. |

**Câu 38**. Hãy nêu các thành phần cơ bản của mạng máy tính:

A. Thiết bị kết nối mạng, môi trường truyền dẫn, thiết bị đầu cuối và giao thức truyền thông.

B. Máy tính và internet.

C. Máy tính, dây cáp mạng và máy in.

D. Máy tính, dây dẫn, modem và dây điện thoại.

**Câu 39**. Mạng không dây được kết nối bằng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bluetooth. | B. Cáp điện. | C. Cáp quang. | D. Sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại. |

**Câu 40**. Số hóa dữ liệu là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Chuyển dữ liệu thành dãy bit. | B. Chuyển số, văn bản, hình ảnh, âm thanh thành dãy bit. | C. Chuyển hình ảnh thành dãy bit | D. Chuyển âm thanh thành dãy bit. |

**II. Tự luận.**

**Câu 41**. Em hãy lấy một số ví dụ trong cuộc sống để thấy thông tin ảnh hưởng đến sự quyết định của mỗi con người.

**Câu 42**. Em hãy lấy ví dụ minh họa việc sử dụng máy tính đã làm cho việc học tập của em trở nên hiệu quả hơn.

**Câu 43**. Một thẻ nhớ 2 GB chứa được bao nhiêu bản nhạc? Biết rằng mỗi bản nhạc có dung lượng khoảng 4 MB.

**Câu 44.** Em hãy nêu các lợi ích của mạng máy tính.

--------------------Hết---------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **Xét duyệt** | **Giáo viên biên soạn**  **Nguyễn Văn Phú** |